

Phần hai

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG TOÁN 3

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1 000 (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập các số đến 1 000:

- Đếm, lập số, đọc – viết số, cấu tạo số (viết số thành tổng các trăm, chục và đơn vị).
- So sánh số, sắp xếp các số theo thứ tự.
- Tia số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

GV: 10 thẻ trăm, 10 thanh chục và 10 khối lập phương, hình vẽ và các thẻ số cho bài Thực hành 1.

HS: 3 thẻ trăm, 3 thanh chục và 5 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

Đếm từ 1 đến 10.

Đếm theo chục từ 10 đến 100.

Đếm theo trăm từ 100 đến 1 000.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Mối quan hệ giữa các hàng

a) Quan hệ giữa nghìn – trăm – chục – đơn vị

– HS làm việc theo nhóm bốn thực hiện các yêu cầu của GV.

- Đếm theo đơn vị: đếm 10 khối lập phương – gắn vào tạo thành 1 thanh chục rồi nói: 10 đơn vị bằng 1 chục và viết vào bảng con: 10 đơn vị = 1 chục.
- Đếm theo chục: đếm 10 thanh chục – gắn vào tạo thành 1 thẻ trăm rồi nói: 10 chục bằng 1 trăm và viết vào bảng con: 10 chục = 1 trăm.

- Đếm theo trăm: đếm 10 thẻ trăm – gắn vào tạo thành 1 khối nghìn rồi nói: 10 trăm bằng 1 nghìn và viết vào bảng con: 10 trăm = 1 nghìn.

- Sửa bài: HS trình bày theo yêu cầu của GV (vừa nói, vừa thao tác với đồ dùng học tập (ĐDHT)).

b) Giá trị của các chữ số trong một số

- GV đọc số: ba trăm hai mươi ba – HS viết số vào bảng con rồi nêu cấu tạo số (số 323 gồm 3 trăm, 2 chục và 3 đơn vị).

- GV giới thiệu: “Đây là số có ba **chữ số**” rồi vấn đáp và thao tác để giúp HS nhận biết giá trị của các chữ số trong một số.

Ví dụ: Số trăm là **chữ số** mấy? (Chữ số 3.)

Chữ số 3 ở cột trăm có giá trị là bao nhiêu? (300)

- GV gắn ba thẻ 100 lên bảng lớp, viết chữ số 3 vào bảng (như SGK).

Số chục là **chữ số** mấy? (Chữ số 2.)

Chữ số 2 ở cột chục có giá trị là bao nhiêu? (20)

- GV gắn hai thẻ 10 lên bảng lớp, viết chữ số 2 vào bảng.

...



2. Nêu giá trị các chữ số của một số

- HS (nhóm đôi) **đọc** các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ và thực hiện theo mẫu.

- GV lưu ý HS thứ tự nói: “Các chữ số từ trái sang phải”.

- GV có thể hướng dẫn HS chơi “Ném gòn (ném bóng)” để sửa bài.

3. Sắp xếp các số theo thứ tự

Trò chơi: Ai nhanh hơn?

GV phổ biến luật chơi – HS chơi theo nhóm bốn.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- GV cho HS **đọc** yêu cầu.

- HS thảo luận (nhóm bốn) **tìm hiểu** mẫu, **xác định** các việc cần làm: **đọc** số, **viết** số, viết số thành **tổng** các trăm, chục, đơn vị.

- HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm bốn.

- Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / hàng).

Bài 2:

- GV cho HS **đọc** yêu cầu.

- HS thảo luận (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, tìm cách làm: các dãy số sắp xếp theo **thứ tự** từ bé đến lớn (đếm thêm: câu a – thêm 100; câu b – thêm 10; câu c – thêm 11).

- HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm đôi.

– Sửa bài, GV cho HS **trình bày** theo nhóm (mỗi nhóm / dãy số), **khuyến khích** HS nói cách làm.

Bài 3:

- GV cho HS **đọc** yêu cầu.
- HS tìm hiểu và làm bài cá nhân.
- Sửa bài, GV cho HS **trình bày** cách làm (mỗi HS / tia số).

Bài 4:

- GV (hoặc một HS) **đọc** từng câu.
- Cả lớp **suy nghĩ**, **chọn** thẻ Đ / S (hoặc viết Đ / S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV (**khuyến khích** HS giải thích).

Ví dụ: a) S (vì số 621 có 6 trăm, 2 chục và 1 đơn vị); b) Đ; c) Đ.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi: Đố bạn?

GV đọc số – HS dùng thẻ số để sắp xếp.

Ví dụ: GV đọc số “một trăm linh hai”.

HS xếp thẻ:



(hoặc ngược lại).

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ và có nhớ không quá một lượt) trong phạm vi 1000.

– Nhận biết tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng qua các trường hợp cụ thể, GV khái quát bằng lời (chưa nêu tên tính chất). Vận dụng tính chất giao hoán, tính chất kết hợp để tính toán hợp lí.

– Nhận biết ba số gia đình, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ; dựa vào sơ đồ tách – gộp số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: 3 thanh chục và 17 khối lập phương (hoặc các mảnh bìa vẽ chấm tròn trong bài học); hình vẽ tóm tắt các bài Luyện tập 3, 4 và 5 (nếu cần).

HS: 2 thanh chục và 5 khối lập phương.